TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN ĐẠI L
TỈNH QUẢNG N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22/01/2021
V/v Tranh chấp: *Ly hôn*

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN ĐẠI L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Ph
Các Hội thẩm nH dân:
1. Ông Nguyễn Đình B
2. Ông Võ Nam Ph

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nguyệt S, là Thư ký Toà án nH dân huyện Đại Lộc.
Đại diện VKSND tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị T – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nH dân huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1978 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng trú tại: thôn Mỹ Đông, xã Đại Phong, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam

- Người có quyền lợi liên quan:

Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhA huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B. Có ông Trần Công B, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2020 và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc A trình bày:*

Bà và ông Lê Văn H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nH mâu thuẫn là ông H không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã, ông H nhiều lần uống rượu về đA đập bà phải đi nhập viện. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn ông H không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H để mỗi người được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

- *Về con chung*: Bà và ông Lê Văn H trong quá trình chung sống có 02 con chung, tên là Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 28/01/2009 và Lê Nhã U, sinh ngày

21/7/2017. Nay ly hôn bà có nguyện vọng nuôi 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung :* Bà A và ông H tự thỏa thuận giải quyết và đề nghị Tòa công nhận như sau:

+ Giao cho bà Ngô Thị Ngọc A được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt ngôi nhà xây cấp 4 và diện tích đất thổ cư 100m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 32a, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Mỹ Đ (Mỹ T), xã Đại P, Đại L, Quảng N. Diện tích đất này do UBND huyện Đại L cấp số BE017925 ngày 07/6/2011 cho ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Ngọc A.

Bà Ngô Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhA huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 10/12/2020 là 203.695.890.000 đồng (trong đó gốc vay 200.000.000 đồng và lãi 3.695.890 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng số 25/12/ĐPHONG ngày 25/12/2018.

+ Giao cho ông Lê Văn H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất thổ cư 100m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Mỹ Đ (Mỹ T), xã Đại P, Đại L, Quảng Nam. Diện tích đất này do UBND huyện Đại L cấp số CC994703 ngày 29/12/2015 cho ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Ngọc A.

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhA huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 10/12/2020 là 54.086.300 đồng (trong đó gốc vay 50.000.000 đồng và lãi 4.086.300 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng số 17/01/ĐPHONG ngày 17/01/2018.

** Tại bản tự khai của ông Lê Văn H (bị đơn) ngày 19/11/2020 trình bày:*

Ông đồng ý với lời trình bày của bà Ngô Thị Ngọc A về việc xác lập quan hệ hôn nH giữa bà và ông H. Nhưng theo ông, nguyên nhân theo ông H mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm. Hiện nay, ông xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: ông thống nhất với ý kiến của bà A là vợ chồng có 02 con chung, tên là Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 28/01/2009 và Lê Nhã U, sinh ngày 21/7/2017. Nay ly hôn ông có nguyện vọng giao cho bà A nuôi 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung :* Bà A và ông H tự thỏa thuận giải quyết và đề nghị Tòa công nhận như sau:

+ Giao cho bà Ngô Thị A được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt ngôi nhà xây cấp 4 và diện tích đất thổ cư 100m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 32a, tờ bản đồ số 02 tại thôn Mỹ Đ (Mỹ T), xã Đại Ph, Đại L, Quảng N. Diện tích đất này do UBND huyện Đại L cấp số BE017925 ngày 07/6/2011 cho ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Ngọc A.

Bà Ngô Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhA huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 10/12/2020 là 203.695.890.000 đồng (trong đó gốc vay 200.000.000 đồng và lãi 3.695.890 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng số 25/12/ĐPHONG ngày 25/12/2018.

+ Giao cho ông Lê Văn H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất thổ cư 100m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Mỹ Đ (Mỹ T), xã Đại P, Đại L, Quảng N. Diện tích đất này do UBND huyện Đại L cấp số CC994703 ngày 29/12/2015 cho ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Ngọc A.

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhA huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 10/12/2020 là 54.086.300 đồng (trong đó gốc vay 50.000.000 đồng và lãi 4.086.300 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng số 17/01/ĐPHONG ngày 17/01/2018.

** Đại diện người có quyền lợi liên quan (ông Trần Công B) trình bày:*

Vào ngày 17/01/2018 và ngày 25/12/2018 vợ chồng ông Lê Văn H và Ngô Thị Ngọc A, cùng trú tại thôn Mỹ Đông, xã Đại Phong, huyện Đại L có đến Phòng giao dịch Ngân hàng NN-PTNT vùng B lập thủ tục xin vay vốn với số tiền 50.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, tổng cộng là 250.000.000 đồng, theo lãi suất thả nổi có điều chỉnh 9,5%, thời gian vay là 36 tháng.

Khi vay vợ chồng ông H và bà A có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản đồng hữu sở hữu đảm bảo nợ vay gồm: 01 ngôi nhà ở, xây kiên cố và diện tích đất được giao quyền sử dụng 200m^2 theo 02 giấy CNQSD đất số CC994703 và BE017925 do UBND huyện Đại L cấp ngày 29/12/2015 và 07/12/2011.

Tính đến ngày 10/12/2020, vợ chồng ông H và bà A còn nợ Phòng giao dịch vùng B – chi nhA Agribank huyện Đại L tổng số tiền 257.800.000 đồng (trong đó gốc 250.000.000 đồng và lãi 7.800.000 đồng).

Nay vợ chồng ông H và bà A ly hôn, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông H và bà A có nghĩa vụ trả số tiền nợ nói trên cho Ngân hàng và tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 11/12/2020 cho đến khi trả nợ xong.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đại L phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc A và bị đơn ông Lê Văn H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Xét thấy bà A và ông H sống chung với nhau từ năm 2006 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật Hôn nhân ông H và gia đình nên đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông H.

- *Về con chung*: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của bà A và ông H là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung của bà A và ông H, Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhA huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B là phù hợp với quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm

sát nH dân huyện Đại Lộc và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn Ngô Thị Ngọc A và bị đơn ông Lê Văn H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

- *Về quan hệ hôn hôn nhân*: Xét quan hệ pháp luật về hôn nhân giữa bà Ngô Thị Ngọc A và ông Lê Văn H

Văn H thì thấy: Ông bà xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý và tổ chuức lễ cưới vào năm 2006 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm các quy định về dăng ký kết hôn theo Điều 11 Luật hôn hôn nhân gia đình năm 2000 (Điều 15, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014) nên quan hệ vợ chồng của ông bà không được pháp luật công nhận. Nay bà A xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Avà ông H là phù hợp với quy định của pháp luật và có tác dụng giáo dục, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho công dân.

- Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của bà A cũng như nguyện vọng ông H là phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy, HĐXX chấp nhận nguyện vọng nuôi con chung của bà A, giao 02 con chung, tên là Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 28/01/2009 và Lê Nhã U, sinh ngày 21/7/2017 cho bà A nuôi 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật. Bà A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét..

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: HĐXX công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của và A, ông H và Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhánh vùng A huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về án Phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX buộc bà Thu, ông Thành phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 33, Điều 35, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nH gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

***- Về quan hệ hôn hôn nhân*:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Ngọc A và ông Lê Văn H.

***- Về quan hệ con chung*:** Giao cho bà Ngô Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo giao 02 con chung tên là Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 28/01/2009 và Lê Nhã U, sinh ngày 21/7/2017 cho cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Lê Văn H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung:

+ Giao cho bà Ngô Thị A được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt ngôi nhà xây cấp 4 và diện tích đất thổ cư 100m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 32a, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Mỹ Đ (Mỹ T), xã Đại Ph, Đại L, Quảng N. Diện tích đất này do UBND huyện Đại L cấp số BE017925 ngày 07/6/2011 cho ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Ngọc A.

Bà Ngô Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhA huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 10/12/2020 là 203.695.890.000 đồng (trong đó gốc vay 200.000.000 đồng và lãi 3.695.890 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng số 25/12/ĐPHONG ngày 25/12/2018.

+ Giao cho ông Lê Văn H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất thổ cư 100m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Mỹ Đ (Mỹ T), xã Đại Ph, Đại L, Quảng Nam. Diện tích đất này do UBND huyện Đại L cấp số CC994703 ngày 29/12/2015 cho ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Ngọc A.

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN-PTNT Việt Nam – Chi nhA huyện Đại L, Phòng giao dịch vùng B số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 10/12/2020 là 54.086.300 đồng (trong đó gốc vay 50.000.000 đồng và lãi 4.086.300 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng số 17/01/ĐPHONG ngày 17/01/2018.

**Tài sản đảm bảo thi hành án:*

+ Tài sản đảm bảo thi hành án của bà A: Gồm ngôi nhà xây cấp 4 và diện tích đất thổ cư 100m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 32a, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Mỹ Đ (Mỹ T), xã Đại Ph, Đại L, Quảng Nam. Diện tích đất này do UBND huyện Đại L cấp số BE017925 ngày 07/6/2011 cho ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Ngọc A.

+ Tài sản đảm bảo thi hành án của ông H gồm: Diện tích đất thổ cư 100m^2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Mỹ Đ (Mỹ T), xã Đại Ph, Đại L, Quảng Nam. Diện tích đất này do UBND huyện Đại L cấp số CC994703 ngày 29/12/2015 cho ông Lê Văn H và bà Ngô Thị Ngọc A.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Ngô Thị Ngọc A phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu số 0003821 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại L.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng N;*
- *VKSND huyện Đại L;*
- *Chi cục THADS huyện Đại L;*
- *UBND xã Đại Ph;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Ph